

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-PT.

Ngày 03/3/2021.

V/v: “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tỷ và bà Nguyễn Thị Như Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT ngày 21/01/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số 01/2021/TB-TA ngày 18/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. (Có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị T và Bị đơn bà Vũ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2019 và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Gia đình bà T có lô đất, địa chỉ lô đất tại tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Nguồn gốc lô đất này do gia đình bà khai hoang, vỡ hóa, sử dụng từ năm 1990 và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có xác nhận của thôn 1 thị trấn P; UBND thị trấn P, huyện N, tỉnh K và các giấy tờ xác nhận cây lâu năm, hoa màu, giếng nước trên diện tích đất này. Do UBND huyện N thu hồi đất để làm đường Hoàng Văn Thụ, theo quyết định số 917/2002/QĐ-UB thì mặt đường chỉ rộng 12m, nhưng cơ quan chức năng lại vẽ và thu hồi đất của gia đình bà làm đường, mặt đường rộng 28m; đúng ra UBND huyện phải trả lại cho gia đình bà được sử dụng diện tích đất có một cạnh chiều rộng của đất tính từ đường Hoàng Văn Thụ vào trong là 16m, vì thu đất nhưng không làm đường. UBND huyện không dùng diện tích đất đã thu hồi của gia đình bà để làm công trình phúc lợi tập thể mà lại kẻ vẽ cho gia đình bà Vũ Thị C được sử dụng. Gia đình bà T đã nhiều năm nay đi khiếu nại để đòi quyền sử dụng đối với diện tích đất này nhưng chưa được cơ quan chức năng giải quyết thỏa đáng, gia đình bà vẫn đang tiếp tục khiếu nại. Ngày 17/3/2019, bà Vũ Thị C thuê xe ô tô chở đất đổ lên diện tích đất có nguồn gốc là của gia đình bà T để san ủi mặt bằng, bà T ngăn cản không cho xe đổ đất thì bị bà C dùng gậy gỗ, mũ bảo hiểm, đoạn cây sắt phi 6 đánh nhiều cái vào đầu, vào người, vào ngón tay thứ hai bàn tay trái làm rách khe ngón tay chảy nhiều máu. Bà T hoảng hốt kêu cứu và được ông TH thợ xây chở lên Công an thị trấn P khai báo, sau đó đưa đến Bệnh viện huyện N điều trị thương tích. Bà T làm các thủ tục nhập viện, chụp X-Quang, mua thuốc về nhà uống theo chỉ định của bác sỹ. Bà T khởi kiện yêu cầu bà C phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà tổng cộng là 16.634.000 đồng, bao gồm:

- Tiền chi định chụp X-Quang ngày 17/3/2019 = 463.000 đồng (94.000đ + 94.000đ + 275.000đ = 463.000đ).
- Tiền nộp khám thủ thuật = 827.000 đồng (648.000đ + 31.000đ + 86.000đ + 31.000đ + 31.000đ = 827.000đ).
- Tiền thu viện phí tại N = 70.000 đồng.
- Tiền thuốc trong chữa trị = 1.235.000 đồng.
- Tiền viện phí khám tại K = 163.000 đồng.
- Tiền giám định pháp y = 1.865.000 đồng.
- Tiền ông TH chở đi bệnh viện và Công an huyện N = 100.000 đồng.
- Tiền 07 lần vào bệnh viện N cắt chỉ (gửi xe) = 91.000 đồng.
- Tiền thiệt hại 26 ngày nằm viện và làm việc với Công an: 26 x 250.000đ = 6.500.000 đồng.
- Tiền bồi thường sức khỏe thiệt hại tinh thần danh dự = 5.000.000 đồng.
- Tiền xe đi giám định pháp y ngày 16/5/2019 = 320.000 đồng.

Tổng cộng: 16.634.000 đồng (463.000đ + 827.000đ + 70.000đ + 1.235.000đ + 163.000đ + 1.865.000đ + 100.000đ + 91.000đ + 6.500.000đ + 5.000.000đ + 320.000đ = 16.634.000đ).

Ngày 02/6/2020 bị đơn bà Vũ Thị C có đơn phản tố kèm theo các tài liệu bao gồm: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43a/QĐ-XPVPHC ngày 25/10/2019 của Công an huyện N, tỉnh K; Quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-HBQĐXP ngày 25/11/2019 của Công an huyện

N, tỉnh K; Quyết định về việc giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp giữa bà Vũ Thị C và bà Trần Thị T số 32/QĐ-CTUBND ngày 30/3/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; Quyết định về việc giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp giữa bà Trần Thị T và bà Vũ Thị C số 334/QĐ-CTUBND ngày 25/7/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K. Tại đơn phản tố, bản tự khai ngày 05/6/2020, đơn khiếu nại về việc trả lại đơn phản tố ngày 07/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà C trình bày:

Diện tích đất mà gia đình bà C thuê xe ô tô chở đất đổ lên để san lấp mặt bằng là đất đã được UBND huyện N xác nhận là của gia đình bà. Bà T có tranh chấp là bà T sai, bà T ngăn cản không cho gia đình bà đổ đất là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà, bà C công nhận hai bên có xô xát nhưng không có sự can thiệp của UBND thị trấn P và Công an thị trấn P không có biên bản. Bà C không công nhận kết quả giám định thương tích vào tháng 5/2019 của bà T; quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 25/10/2019 của Phó trưởng Công an huyện N là sai bà C khiếu nại, Trưởng Công an huyện N đã ra quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Bà C khẳng định bà không xâm phạm sức khỏe của bà T nên bà không chấp nhận bồi thường.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 6 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 585; Điều 590 Bộ luật Dân sự:

- Bác yêu cầu phản tố, theo đơn phản tố đề ngày 02/6/2020 của bà Vũ Thị C.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc đòi bà Vũ Thị C bồi thường, do bà C gây thương tích tổn hại về sức khỏe của bà T xảy ra vào sáng ngày 17/3/2019.
- Buộc bà Vũ Thị C phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe của bà Trần Thị T bị xâm hại là 3.994.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, bị đơn bà Vũ Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với toàn bộ nội dung được tuyên trong bản án, không đồng ý với cách giải quyết vụ án của Thẩm phán.

Ngày 10/10/2020, nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum: Không đồng ý về phần buộc bà Vũ Thị C phải bồi thường với số tiền 3.994.000 đồng là không đúng với chứng cứ đơn thuộc, các loại giấy tờ có tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị T, bị đơn bà Vũ Thị C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn bà Trần Thị T không rút đơn khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm đã làm rõ việc bà Vũ Thị C đánh bà Trần Thị T là đúng thực tế, do đó nguyên đơn khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ. Xét phần nhận định Bản án sơ thẩm áp dụng “Điều 364 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà C phải chịu $2/3$ lỗi ($5.990.600 \text{ đồng} / 3 = 1.997.000 \text{ đồng} \times 2 = 3.994.000 \text{ đồng}$), bà T phải chịu $1/3$ lỗi $= 1.997.000 \text{ đồng}$ ” là không đúng, có tính chất suy diễn theo ý chí chủ quan, dẫn đến phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên “Buộc bà Vũ Thị C phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe của bà Trần Thị T bị xâm hại là 3.994.000 đồng” là chưa chính xác. Tại Điều 364 Bộ luật dân sự năm 2015 chỉ dừng lại việc xác định lỗi chứ không phải căn cứ phát sinh bồi thường trách nhiệm dân sự. Bà T nhận biết được rằng hành vi dùng phi sắt của bà C đánh bà T có đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà T tự nguyện không yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để khởi tố vụ án theo quy định của Bộ luật Hình sự là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của bà Trần Thị T đề ngày 10/10/2020, bác toàn bộ đơn kháng cáo của bà Vũ Thị C đề ngày 05/10/2020. Áp dụng Điều 293, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K. Buộc bà C phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bà T bị xâm hại theo quy định của pháp luật. Về án phí: Bà C phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T, bị đơn bà Vũ Thị C còn trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được thụ lý xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T, bị đơn bà Vũ Thị C về toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, thấy rằng:

[3.1]. Xét việc bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị C phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà tổng cộng là 16.634.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Bản tự khai của bà T, Đơn trình bày ý kiến của bà C cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Xét thấy, giữa bà T và bà C có xảy ra xô xát, bà C có dùng gậy gỗ, mũ bảo hiểm, thanh sắt phi 6 đánh bà T, hậu quả là bà T phải nhập viện, chụp X-Quang, mua thuốc về nhà uống theo chỉ định của bác sỹ, theo Thông báo kết luận giám định số 650/CSĐT ngày 25/6/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thì tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà T tại thời điểm giám định là 02%. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà T yêu cầu bà C bồi thường thiệt hại là có cơ sở. Tuy nhiên, xét các chứng từ, biên nhận hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý của bà T, Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản sau:

- Chi phí cho việc cứu chữa, bao gồm:

- + Tiền thuốc để chữa trị thương tích theo hóa đơn do bác sỹ kê: Ngày 17/3/2019: 02 hóa đơn (135.000 đồng + 280.000 đồng = 415.000 đồng), Ngày 22/3/2019: 01 hóa đơn (135.000 đồng), Ngày 25/3/2019: 01 hóa đơn (50.000 đồng), Ngày 01/4/2019: 01 hóa đơn (70.000 đồng), Ngày 07/4/2019: 01 hóa đơn (280.000 đồng), Ngày 11/4/2019: 01 hóa đơn (285.000 đồng).

Tổng số tiền là: 415.000 + 135.000 + 50.000 + 70.000 + 280.000 + 285.000 = 1.235.000 đồng.

- + Chi phí chụp X-Quang theo chỉ định của bác sỹ: Ngày 17/3/2019: 03 hóa đơn (94.000 đồng + 94.000 đồng + 257.000 đồng = 445.000 đồng).

Tổng số tiền là: 445.000 đồng.

- + Tiền viện phí: Ngày 19/3/2019: 70.000 đồng.

- + Tiền khám bệnh: Ngày 17/3/2019: 01 hóa đơn (648.000 đồng), Ngày 19/3/2019: 01 hóa đơn (31.000 đồng), Ngày 25/3/2019: 01 hóa đơn (86.000 đồng), Ngày 01/4/2019: 01 hóa đơn (31.000 đồng), Ngày 11/4/2019: 01 hóa đơn (31.000 đồng), Ngày 16/5/2019: 01 hóa đơn (163.600 đồng).

Tổng số tiền là: 648.000 + 31.000 + 86.000 + 31.000 + 31.000 + 163.600 = 990.600 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền nêu trên = **1.235.000 đồng + 445.000 đồng + 70.000 đồng + 990.600 = 2.740.600 đồng.**

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T với những khoản tiền nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm mà bà T yêu cầu với số tiền 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến việc xô xát giữa bà T và bà C là do có mâu thuẫn về diện tích đất, chưa phân định được đất của bà T hay bà C (chưa được cấp GCN QSD đất), bà

Cần thuê xe ô tô chở đất để san ủi mặt bằng, bà T ngăn cản không cho đồ thì bà C phải đến trình báo với chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền để xem xét. Bà C nhận thức rõ hành vi dùng các vật nguy hiểm, có tính sát thương cao như gậy gỗ, cây sắt của mình sẽ gây thương tích cho bà T nhưng vẫn thực hiện và mong muốn cho hậu quả xảy ra. Bà C thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến sức khỏe của bà T. Xét về thiệt hại, bà T bị sẹo ở ngón V bàn tay bên phải, sẹo ngón II bàn tay bên trái, kích thước nhỏ 02% (Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02%). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cho rằng tinh thần của bà bị tổn thương, nghề nghiệp của bà là giáo viên, nhiều năm đứng trên bục giảng xử sự đúng mực, nay bị bà C đánh gây thương tích cũng rất xấu hổ với bản thân, đôi tay lành lặn nay bị thương tật tỷ lệ 02%, ảnh hưởng đến công việc làm của cá nhân và gia đình. Bà T yêu cầu bà C phải bồi thường số tiền **5.000.000 đồng** để bù đắp một phần tổn thất về tinh thần. Áp dụng khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy mức yêu cầu bồi thường của bà T là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chưa ghi nhận yêu cầu đối với khoản tiền này là chưa phù hợp.

- Đối với khoản tiền: Tiền giám định pháp y = 1.865.000 đồng, cơ quan Công an huyện N đã trả lại cho bà T số tiền 1.865.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận đối với khoản tiền này.

- Đối với các khoản tiền: Tiền ông TH chở đi bệnh viện và Công an huyện N = 100.000 đồng, Tiền 07 lần vào bệnh viện N cắt chỉ (gửi xe) = 91.000 đồng, Tiền xe đi giám định pháp y ngày 16/5/2019 = 320.000 đồng. Mặc dù bà T không có tài liệu, hóa đơn, chứng từ chứng minh cho những khoản tiền nêu trên, nhưng thực tế bà T có đến bệnh viện để cắt chỉ, có gửi xe, có đi bệnh viện để giám định pháp y nên có cơ sở để chấp nhận đối với các khoản tiền này. Tổng số tiền là: 100.000 + 91.000 + 320.000 = **511.000 đồng**.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với những khoản tiền nêu trên là chưa phù hợp.

- Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của bà T trong thời gian 26 ngày nằm viện và làm việc với Công an với số tiền là 26 x 250.000 đồng = 6.500.000 đồng, thấy rằng:

Tại tiểu mục 1.2 mục 1 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định: *“Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại. Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm người bị thiệt hại có thu nhập thực tế, nhưng do sức khỏe bị xâm phạm họ phải đi điều trị và do đó khoản thu nhập thực tế của họ bị mất hoặc bị giảm sút, thì họ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đó...”*. Trong vụ án này, bà T là giáo viên đã nghỉ hưu, việc sức khỏe bà bị xâm phạm phải đi điều trị thì thu nhập thực tế của bà cũng không bị mất hay giảm sút (Bà vẫn được hưởng nguyên lương hưu). Việc lấy mức 250.000đ/ 01 ngày và nhận định rằng: *“...bà phải thuê người làm việc nhà (việc bình thường bà phải làm) và chăm sóc bà là cần thiết và có cơ sở nhưng bà không có đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của bà, nên chỉ có thể chấp nhận ½ yêu cầu của bà...”* là áp dụng pháp luật không có căn cứ. Trong hồ sơ chưa thể hiện: người chăm sóc và làm việc nhà cho bà T là ai, ở

đâu, làm những công việc gì, làm trong bao nhiêu ngày... Tòa án cấp sơ thẩm nhận định như vậy là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, buộc bà C phải bồi thường cho bà T với tổng số tiền là: **2.740.600 đồng + 5.000.000 đồng + 511.000 đồng = 8.251.600 đồng.** (*Tám triệu hai trăm năm mươi một ngàn sáu trăm đồng*).

[3.2]. Xét đơn yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị C đề ngày 02/6/2020 đối với nội dung khởi kiện của bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “...*Yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn được chấp nhận khi yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ đối với nguyên đơn ...*”. Theo đó, các yêu cầu của bà Vũ Thị C trong đơn phản tố đề ngày 02/6/2020 không phải là nội dung phản tố để bù trừ nghĩa vụ đối với nguyên đơn trong vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của bà C là có căn cứ.

[3.3]. Về lỗi trong trách nhiệm dân sự:

Trong vụ án này, bà C có hành vi dùng vũ lực xâm phạm đến sức khỏe của người khác thì phải có trách nhiệm bồi thường. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng “...*Điều 364 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà C phải chịu 2/3 lỗi 5.990.600 đồng/3 = 1.997.000đ x 2 = 3.994.000 đồng, bà T phải chịu 1/3 lỗi = 1.997.000 đồng...*” là không đúng tinh thần điều luật quy định. Xét thấy, Điều 364 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định “Lỗi trong trách nhiệm dân sự bao gồm Lỗi cố ý và Lỗi vô ý”, quy định về yếu tố lỗi trong trách nhiệm dân sự nói chung, chứ không đề cập đó là căn cứ để phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo tỷ lệ. Việc áp dụng Điều luật không đúng tinh thần quy định làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3.4]. Xét hành vi của bà Vũ Thị C, thấy rằng: Mặc dù hậu quả gây thương tích cho bà T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%, nhưng hành vi dùng vật nguy hiểm, có tính sát thương cao như cây sắt phi 6 để gây thương tích cho bà T có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra yêu cầu khởi tố về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T tự nguyện không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị T, không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K là phù hợp.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không có yêu cầu thu thập và cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

[5]. Xét lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng bà T trình bày và yêu cầu có một phần là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K là có căn cứ chấp nhận.

[7]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà C và bà T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 26, 38, 39, 91, 92, 143, 144, 147 và 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 12, 24, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K.

Bác đơn yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị C đề ngày 02/6/2020.

Buộc bà Vũ Thị C bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà Trần Thị T với số tiền 8.251.600 đồng (*Tám triệu hai trăm năm mươi một ngàn sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Vũ Thị C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 412.580 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002521 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bà Vũ Thị C còn phải nộp thêm số tiền 112.580 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị C và bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/3/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND, VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Minh